TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2023/HC- PT
Ngày: 20/6/2023
V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử số IV, trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án Hành chính thụ lý số 287/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính". Do có kháng cáo của Người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6365/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Minh H; sinh năm 1962; nơi ĐKHKTT: Tổ D, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trương Xuân H1 – Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh Q; địa chỉ: Số B đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tường H2; chức vụ: Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Tuấn N – Luật sư Công ty L3. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND thành phố H và Ủy ban nhân dân thành phố H; địa chỉ: Số B B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H. Có mặt

3.2. UBND phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Ngọc T; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường B (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2022). Có mặt

3.3. Bà Lưu Thị Kim L1 - Địa chỉ: Tổ D, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Vũ Minh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, Người khởi kiện Vũ Minh H trình bày:

Ngày 23/7/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5433/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông, đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 để GPMB thực hiện dự án: Cải tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch quốc gia năm 2018 đường H khu vực khách sạn H7 đến cây xăng phường B. Sau khi nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định phê duyệt nêu trên, Ông đã có đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết như sau:

(1) Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC cho gia đình là đất ở. (2) Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa. (3) Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

Ngày 21/02/2020 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của Ông như sau:

"Điều 1. Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc:

(1) Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở.

- Chấp nhận một phần nội nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc:

(2) Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa.

- Không chấp nhận một phần nội nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc:

(3) Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định".

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố H, ông đã khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

Ngày 08/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của Người khởi kiện với những căn cứ sau:

- Thửa đất số 31/152/BĐĐC – Khu đo tỉ lệ 1/5000: Năm 2003 gia đình tự ý sử dụng cơi nới xây dựng một phần công trình kiến trúc trên phần đất này sử dụng đến nay.

- Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.

Như vậy, thửa đất số 31/152/BĐĐC diện tích 12,7m^2 là đất công cộng và đất khu đo tỉ lệ 1/5000 do UBND phường B quản lý, ông H tự ý sử dụng từ năm 2003 vào vị trí đất không phù hợp với quy hoạch là đất ở. Do đó không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất. Vì vậy, nội dung ông Vũ Minh H yêu cầu bồi thường phần diện tích 12,7m^2 thuộc thửa đất số 31/152/BĐĐC là đất ở là không có cơ sở xem xét.

Người khởi kiện nhận thấy, Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại của ông như trên là không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bởi vì:

Chủ tịch UBND tỉnh Q chỉ căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1998, bản chứng nhận nhà đất, các báo cáo xác minh bổ sung của UBND phường B, tài liệu giải phóng mặt bằng năm 2000 để giải quyết không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Q chưa xem xét các tài liệu chứng cứ đó có hợp pháp hay không? Có phù hợp với thực tế khách quan hay không và có mâu thuẫn, đối lập với các tài liệu, chứng cứ khác hay không? Do

đó cần phải xem xét, đánh giá lại các tài liệu, chứng cứ mà Chủ tịch UBND tỉnh Q đã viện dẫn để giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông như sau:

a) Bản đồ địa chính năm 1998 đo vẽ không đúng hiện trạng sử dụng đất gia đình ông đang quản lý, sử dụng. Gia đình ông không được chỉ dẫn, đo đạc, không được ký tên vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới và giao nhận diện tích, cho nên gia đình ông không chịu trách nhiệm về ranh giới và diện tích sử dụng ghi trong bản đồ địa chính năm 1998, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất thửa đất và hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Ông xin dẫn chứng những sai sót khi đo vẽ bản đồ địa chính năm 1998 đối với diện tích đất gia đình ông sử dụng như sau:

- Đất gia đình ông quản lý, sử dụng từ năm 1996, có giấy tờ và quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 và chỉ có 01 thửa đất, nhưng theo bản đồ địa chính năm 1998 lại đo một phần đất Ông đang sử dụng vào các thửa đất số 31/BĐĐC/152 (khu đo tỉ lệ 1/5000); Thửa đất số 8/BĐĐC/152 (đất công cộng); Thửa đất số 1/BĐĐC/152 (đất công cộng) là không đúng hiện trạng sử dụng và giấy tờ về đất mà gia đình Ông có.

- Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1998 có những sai sót, cho nên những năm trước đây có nhiều chủ sử dụng đất có đơn đề nghị Sở T2 chỉnh lý lại sơ đồ thửa đất. Ngày 23/9/2004, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 có văn bản số 1356/TNMT về việc sử dụng bản đồ địa chính để cấp GCNQSD đất gửi UBND thành phố H, UBND thành phố C hướng dẫn các địa phương chỉnh lý lại bản đồ địa chính khi cấp GCNQSD đất. Đất của gia đình ông chưa được cấp GCNQSD đất cho nên sai sót của bản đồ địa chính năm 1998 chưa được chỉnh lý. Khi thu hồi đất gải phóng mặt bằng, xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất để bồi thường cho gia đình ông thì UBND phường B chưa xem xét đến nội dung hướng dẫn nêu trên của Sở T2. Khi xác minh nội dung khiếu nại của ông thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 (đơn vị được Chủ tịch UBND tỉnh Q giao nhiệm vụ) cũng không đề cập xem xét bản đồ địa chính năm 1998 có đúng với diện tích đất gia đình ông sử dụng hay không?

b) UBND phường B xác nhận phần diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC gia đình ông tự ý sử dụng từ năm 2003 là không có căn cứ chứng minh và có dấu hiệu cố ý xác nhận sai sự thật về thời điểm gia đình ông bắt đầu sử dụng đất. UBND phường B xác nhận 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC (khu đo tỉ lệ 1/5000) gia đình ông tự ý sử dụng từ năm 2003, không nằm trong giấy tờ về QSD đất của gia đình ông là không có cơ sở pháp lý chứng minh. Đồng thời trái với lời trình bày của các nhân chứng lão thành cách mạng sống lâu năm cùng với thời điểm hình thành thửa đất của gia đình ông.

- UBND phường B xác nhận gia đình ông tự sử dụng xây dựng một phần công trình năm 2003 còn có biểu hiện khiên cưỡng, xác nhận mệnh lệnh

hành chính nào đó mà không dựa trên căn cứ pháp lý và thực tế khách quan. Vấn đề này được biểu hiện cụ thể như sau: Đất thuộc thửa số 31/152/BĐĐC (khu đo tỉ lệ 1/5000) do nhiều gia đình sử dụng riêng biệt, nhưng UBND phường B đều xác nhận bắt đầu sử dụng từ năm 2002-2003. Trong số các hộ dân có đất nằm trong thửa đất số 31/152/BĐĐC như gia đình ông, có các hộ gia đình bà Phạm Thị H3 chỉ có 0,3m^2; hộ gia đình bà Hoàng Thị H4 chỉ có 0,5m^2. Với diện tích quá nhỏ như vậy thì cơi nới thành công trình gì và để xây dựng làm gì mà UBND phường B cũng xác nhận là tự ý sử dụng, xây dựng một phần công trình trên đất từ năm 2002-2003.

Ông Vũ Minh H khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Minh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị Kim L1 có quan điểm đồng ý với quan điểm khởi kiện của ông Vũ Minh H.

Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Q có quan điểm:

Ông Vũ Minh H khiếu nại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại về nội dung: *Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7 m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.* Nội dung khiếu nại liên quan đến phương án bồi thường GPMB thực hiện dự án cải tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch quốc gia 2018 đường H khu vực khách sạn H7 đến cây xăng phường B.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng:

Theo nội dung bản chứng nhận nhà đất ngày 21/01/2019 và các Văn bản số: 425/UBND ngày 19/6/2019, số 845/UBND ngày 04/12/2019, số 909/UBND ngày 27/12/2019 của UBND phường B liên quan đến việc xác minh bổ sung thông tin nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng đối với hộ ông Vũ Minh H như sau: Bà Trần Thị T1 được Ban hành chính Bãi Cháy cho phép xây dựng nhà sơ tán năm 1966 (đơn đề nghị xin đất làm nhà năm 1966 được Ban Hành chính khu phố B, thị xã H xác nhận). Năm 1971 bà Nguyễn Thị N1 được bố mẹ cho tặng thừa kế và sử dụng để ở. Trong quá trình sử dụng đất bà Nguyễn Thị N1 đã cho ông Vũ Minh H một phần thửa đất để ở. Khi đo vẽ bản đồ địa chính thì thửa đất của bà Nguyễn Thị N1 được xác định tại thửa đất số 7 (diện tích 210,5 m^2) thửa đất nêu trên chủ sử dụng đất không ký. Trong quá trình sử dụng đất bà N1 đã cho ông Vũ Minh H 48m^2 đất tại thửa 7/152/BĐĐC và ông Vũ Minh H đã sử dụng tới thời điểm thu hồi đất.

Đến năm 2018 khi nhà nước triển khai dự án Cải tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch quốc gia năm 2018 đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây

xăng phường B, thì thửa đất của ông Vũ Minh H có tổng diện tích đang quản lý sử dụng là 63,6m^2 thuộc thửa đất số 10/1/GPMB (thu hồi hết). Theo bản đồ GPMB tại thời điểm này thì đất của ông Vũ Minh H có tổng diện tích 63,6m^2 trong đó theo thửa địa chính được chia ra như sau: thửa 7/152/BĐĐC diện tích 48m^2; thửa 8/152/BĐĐC diện tích 21m^2; thửa 12/152/BĐĐC diện tích 0,8 m^2; thửa 31/152/BĐĐC có một phần diện tích 12,7m^2 không bồi thường, không hỗ trợ, vì vậy ông H đã khiếu nại đề nghị được bồi thường là đất ở.

Về nguồn gốc diện tích 12,7m^2 trên được UBND phường B xác nhận như sau: *Thửa đất số 31/152/BĐĐC – Khu đo tỷ lệ 1/5000: Năm 2003 gia đình tự ý sử dụng cơi nới xây dựng một phần công trình kiến trúc trên đó sử dụng đến nay*. Căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất nêu trên, do đó UBND thành phố H không bồi thường, không hỗ trợ cho hộ ông Vũ Minh H.

Để xác định hành vi được coi là lấn, chiếm hay do tự khai hoang: Sở T2 đã có Văn bản số 3280/TNMT-ĐKĐĐ ngày 24/10/2014 về việc xin ý hướng dẫn của T3 – Bộ T4, được T3 – Bộ T4 tại Văn bản số 352/TCQLĐĐ-CĐKTK ngày 13/3/2015 "V/v trả lời Công văn số 3280/TNMT-ĐKĐĐ của Sở T2" trong đó xác định: *Việc coi một hành vi sử dụng đất là lấn, chiếm đất đai cần căn cứ vào thời điểm xảy ra hành vi và quy định pháp luật tại thời điểm xảy ra hành vi để xác định cụ thể. Trường hợp tại thời điểm xảy ra hành vi khai hoang đất đai hoặc sử dụng đất chưa sử dụng mà không có quy định để xác định đó là hành vi lấn, chiếm đất đai hoặc không có văn bản ngăn chặn thì không được coi hành vi đó là lấn, chiếm đất đai*. Như vậy, việc ông Vũ Minh H tự ý sử dụng, xây dựng một phần công trình kiến trúc sử dụng năm 2003; thời điểm đó đã có Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai. Do đó, việc tự ý sử dụng 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC nêu trên được xác định là hành vi lấn chiếm đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000 thuộc UBND phường B quản lý.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành thì đối với các trường hợp lấn, chiếm, việc cấp GCNQSD đất như trường hợp của ông Vũ Minh H được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/6/2014 của Chính phủ quy định như sau:

*3. Trường hợp **lấn, chiếm đất chưa sử dụng** hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau:*

a) Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó.

Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định;

b) Trường hợp đang sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Theo quy hoạch sử dụng đất từ năm 2004 đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 664/2005/QĐ-UB ngày 03/3/2005 "Về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai thành phố H thời kỳ 2004-2010 và Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của thành phố H" thì phần diện tích 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC là thửa đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000: đất do UBND phường B quản lý không được hoạch định là đất ở (được xác định là đất thương mại dịch vụ). Do đó vị trí, diện tích đất 12,7m^2 thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/6/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

*"4. **Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này".*

Như vậy, đối với phần diện tích 12,7m^2 là đất công cộng, đất khu đo tỷ lệ 1/5000 do U Cháy quản lý, ông H tự ý sử dụng từ năm 2003 vị trí đất này không phù hợp với quy hoạch là đất ở, do đó không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Tại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Minh H về nội dung: *Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định* là đảm bảo quy định của pháp luật.

Vì vậy, nội dung ông Vũ Minh H yêu cầu bồi thường phần diện tích 12,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 31/152/BĐĐC là đất ở là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố H và UBND thành phố H có quan điểm:

Ông Vũ Minh H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Minh H, trú tại tổ D, khu E phường B, thành phố H. Nội dung khiếu nại liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Cải tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch quốc gia năm 2018 đường H khu vực khách sạn H7 đến cây xăng phường B.

Tóm tắt nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng thửa đất khởi kiện:

Theo nội dung bản chứng nhận nhà đất ngày 21/01/2019 và các Văn bản số: 425/UBND ngày 19/6/2019, số 845/UBND ngày 04/12/2019, số 909/UBND ngày 27/12/2019 của UBND phường B liên quan đến việc xác minh bổ sung thông tin nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng đối với hộ ông Vũ Minh H như sau: Bà Trần Thị T1 được Ban hành chính Bãi Cháy cho phép xây dựng nhà sơ tán năm 1966 (đơn đề nghị xin đất làm nhà năm 1966 được Ban Hành chính khu phố B, thị xã H xác nhận). Năm 1971 bà Nguyễn Thị N1 được bố mẹ cho tặng thừa kế và sử dụng để ở. Trong quá trình sử dụng đất bà Nguyễn Thị N1 đã cho ông Vũ Minh H một phần thửa đất để ở. Khi đo vẽ bản đồ địa chính thì thửa đất của bà Nguyễn Thị N1 được xác định tại thửa đất số 7 (diện tích 210,5m^2) thửa đất nêu trên chủ sử dụng đất không ký. Trong quá trình sử dụng đất bà N1 đã cho ông Vũ Minh H 48m^2 đất tại thửa 7/152/BĐĐC và ông Vũ Minh H đã sử dụng tới thời điểm thu hồi đất.

Đến năm 2018 khi nhà nước triển khai dự án Cải tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch quốc gia năm 2018 đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng phường B, thì thửa đất của ông Vũ Minh H có tổng diện tích đang quản lý sử dụng là 63,6m^2 thuộc thửa đất số 10/1/GPMB (thu hồi hết). Theo bản đồ GPMB tại thời điểm này thì đất của ông Vũ Minh H có tổng diện tích 63,6 m^2 trong đó theo thửa địa chính được chia ra như sau: thửa 7/152/BĐĐC diện tích 48m^2; thửa 8/152/BĐĐC diện tích 21m^2; thửa 12/152/BĐĐC diện tích 0,8m^2; thửa 31/152/BĐĐC có một phần diện tích 12,7m^2 không bồi thường, không hỗ trợ, vì vậy ông H đã khiếu nại đề nghị được bồi thường là đất ở.

Về nguồn gốc diện tích 12,7m^2 trên được UBND phường B xác nhận như sau: *Thửa đất số 31/152/BĐĐC – Khu đo tỷ lệ 1/5000: Năm 2003 gia đình tự ý sử dụng cơi nới xây dựng một phần công trình kiến trúc trên đó sử dụng đến nay*. Căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất nêu trên, do đó UBND thành phố H không bồi thường, không hỗ trợ cho hộ ông Vũ Minh H.

Quá trình lập phương án liên quan đến nội dung bị khởi kiện:

Trên cơ sở kết quả xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất của hộ ông Vũ Minh H do UBND phường B chứng nhận và căn cứ quy định của pháp luật, Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố đã lập phương án bồi

thường, hỗ trợ trình Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Thành phố thẩm định và được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5433/QĐ-UBND ngày 23/7/2019, cụ thể như sau:

- Phần đất: + Đất ở thu hồi vĩnh viễn (Thửa 7/152/ĐC) - Theo Điều 75 Luật đất đai 2013 - nằm ngoài mốc lộ giới năm 1995:

Diện tích 8,9m^2 x 85.230.000 đồng/m^2 = 758.547.000 đồng

Trong đó: thu tiền sử dụng đất 50% theo bảng giá tại Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Q: 8,9m^2 x 151.300.000 đồng/m^2 x 50% = 75.650.000 đồng.

Còn lại trả hộ dân: 682.897.000 đồng.

+ Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thu hồi vĩnh viễn thuộc thửa 7/152/ĐC – trong mốc lộ giới 1995:

Diện tích 33,2m^2 x 76.000 đồng/m^2 = 2.523.200 đồng (theo Điều 75 Luật đất đai năm 2013).

+ Diện tích thuộc khu đo tỷ lệ 1/5000 -12,7m^2: Không bồi thường, không hỗ trợ (Theo điều 82 Luật đất đai năm 2013).

+ Diện tích đất nằm trong ranh giới thu hồi năm 2000: 8,8 m^2: Không bồi thường, không hỗ trợ.

- Kiến trúc: + Kiến trúc trên thửa 7/152/ĐC – nằm trong chỉ giới đường 18 – mốc 1995 (KT 8,15 x 3,84): Bồi thường 100%.

+ Kiến trúc trên thửa 7/152/ĐC: Hỗ trợ 50%.

+ Kiến trúc trên thửa 7/152/ĐC: nằm trong ranh giới đường 18 – năm 2000: Hỗ trợ 50%.

- Cây, hoa màu: bồi thường 100%.

- Chính sách hỗ trợ: Gia đình được hưởng các chính sách: bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ thuê nhà ở tạm.

- Tái định cư: Gia đình đủ điều kiện bố trí 01 ô đất tái định cư.

Sau khi nhận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Vũ Minh H có đơn khiếu nại (lần đầu) gửi UBND Thành phố với các nội dung: (1) Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở; (2) Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa; (3) Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

Ngày 21/02/2020, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vũ Minh H: (1) Chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình

là đất ở; (2) Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa; (3) Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

Thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 28/02/2020, cụ thể như sau:

- Phần đất: + Đất ở thu hồi vĩnh viễn (Thửa 7/152/ĐC) - Theo Điều 75 Luật đất đai 2013 - nằm ngoài mốc lộ giới năm 1995:

Diện tích 8,9m^2 x 85.230.000 đồng/m^2 = 758.547.000 đồng.

+ Đất ở thu hồi vĩnh viễn (Thửa 7/152/ĐC) - Theo điều 75 Luật đất đai 2013 - diện tích đất trong mốc lộ giới năm 1995: 33,2m^2 x 85.230.000 đồng/m^2 = 2.829.636.000 đồng.

+ Đất ở thu hồi vĩnh viễn diện tích đất thu hồi năm 2000 thuộc thửa 7/152/ĐC - Theo điều 75 Luật đất đai năm 2013: 5,9m^2 x 85.000.000 đồng/m^2 = 502.857.000 đồng.

+ Diện tích thuộc khu đo tỷ lệ 1/5000: 12,7m^2: Không bồi thường, không hỗ trợ (Theo điều 82 Luật đất đai năm 2013)

+ Diện tích thuộc thửa 8/152/ĐC và 1/152/ĐC - đất công cộng: 2,9m^2: Không bồi thường, không hỗ trợ (Theo điều 82 Luật đất đai năm 2013)

- Kiến trúc: + Kiến trúc trên thửa 7/152/ĐC – nằm trong chỉ giới đường 18 – mốc 1995 (KT 8,15 x 3,84): Bồi thường 100%.

+ Kiến trúc trên thửa 7/152/ĐC – nằm ngoài chỉ giới đường 18 – mốc 1995 (KT 2,15 x 3,84): Bồi thường 100%.

+ Kiến trúc thuộc khu đo tỷ lệ 1/5000: Hỗ trợ 50%.

+ Kiến trúc nằm trong ranh giới đường 18 năm 2000 thuộc thửa 7/152/ĐC: Bồi thường 100%.

- Cây, hoa màu: bồi thường 100%.

- Chính sách hỗ trợ: Gia đình được hưởng các chính sách: bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ thuê nhà ở tạm.

- Tái định cư: Gia đình đủ điều kiện bố trí 01 ô đất tái định cư.

Nội dung khiếu nại lần đầu (3): Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở. Lý do: Theo xác nhận của UBND phường B thì thửa đất số 31/152/BĐĐC là thửa đất công cộng và đất

khu đo tỷ lệ 1/5000, hộ ông Vũ Minh H đã tự ý sử dụng xây dựng một phần công trình kiến trúc từ năm 2003.

Ông Vũ Minh H tự ý xây dựng một phần công trình kiến trúc sử dụng năm 2003, thời điểm đó đã có Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai. Do đó, việc tự ý sử dụng 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC nêu trên được xác định là hành vi lấn chiếm đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000 thuộc UBND phường B quản lý.

Theo quy hoạch sử dụng đất từ năm 2004 đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 664/2005/QĐ-UB ngày 03/3/2005 "Về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai thành phố H thời kỳ 2004-2010 và Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của thành phố H" thì phần diện tích 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC là thửa đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000: đất do UBND phường B quản lý không được hoạch định là đất ở (được xác định là đất thương mại dịch vụ). Do đó vị trí, diện tích đất 12,7m^2 thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/6/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: *"4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này".*

Như vậy phần diện tích 12,7 m^2 là đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000 do U Cháy quản lý, ông H tự ý sử dụng từ năm 2003 vị trí đất này không phù hợp với quy hoạch là đất ở, không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất. Do đó Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Minh H về nội dung: *Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định* là đúng quy định.

Ông Vũ Minh H tiếp tục khiếu nại lần hai. Ngày 08/4/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, kết quả: Đồng ý Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Vũ Minh H, trú tại tổ D, khu E, phường B, thành phố H; Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC là đất ở.

Căn cứ các quy định và kết quả giải quyết cụ thể như trên, việc ông Vũ Minh H khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Minh H - Địa chỉ: Tổ D, khu E, phường B, thành phố H là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND phường B có quan điểm:

Hộ ông H quản lý, sử dụng 01 thửa GPMB thuộc dự án cải tạo cảnh quan, phục vụ năm du lịch Q 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng, phường B cụ thể: *Thửa 10/BĐGPMB/01:* Tổng diện tích: 63.6 m^2; Diện tích thu hồi: 63.6 m^2; Diện tích còn lại: 0 m^2

Thuộc các thửa trong bản đồ địa chính gồm: Thửa đất số 7/BĐĐC/152 - Không ký: 48 m^2 ; Thửa đất số 8/BĐĐC/152 - công cộng: 2.1 m^2; Thửa đất số 1/BĐĐC/152 - Công cộng: 0,8 m^2; Thửa đất số 31/BĐĐC/158 - Khu đo tỷ lệ 1/5000: 12,7 m^2 .

Ngày 21/01/2019, UBND, UBMTTQ phường Bãi Cháy ban hành bản chứng nhận nhà đất, xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của hộ ông H, cụ thể như sau:

Hồ sơ gia đình cung cấp và hồ sơ hiện đang lưu trữ tại UBND Phường gồm: Sổ hộ khẩu, Chứng minh thư nhân dân của hộ ông Vũ Minh H (bản photo); Hóa đơn nộp thuế nhà đất: từ năm 2003.....2011 (bản photo); Hóa đơn nộp thuế PNN: năm 2012;...; 2018 (bản photo); Bản đồ GPMB khách sạn ngành than năm 2002 (hồ sơ lưu trữ tại Phường); Sổ bộ thuế hiện đang lưu trữ tại UBND Phường;

Nguồn gốc thửa đất:

Thửa 7/BĐĐC/152: Không ký:

Nguồn gốc sử dụng đất: đất bà N1 được bố mẹ cho tặng thừa kế quản lý sử dụng từ năm 1971. Khoảng sau khi đo vẽ bản đồ địa chính năm 1998 đến trước năm 2002 bà N1 cho ông H quản lý sử dụng để ở (căn cứ Bản đồ GPMB xây dựng khách sạn than Việt Nam - K - Bãi Cháy năm 2002, Sổ bộ thuế năm 2002).

Quá trình sử dụng đất:

+ Từ năm 1971 đến sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998: bà N1 quản lý sử dụng.

+ Từ năm sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998 đến nay; ông H quản lý sử dụng để ở;

Thời điểm xây dựng công trình: nhà cấp 4 xây dựng sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998 và trước tháng 10/2002. Năm 2002 cải tạo cơi nới nhà cấp 4 như hiện trạng.

Nghĩa vụ nộp thuế: Nộp thuế năm từ năm 2002 đến nay.

Tình hình tranh chấp khiếu nại: Đến thời điểm hiện nay UBND phường B không nhận được đơn kiến nghị nào liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

+ Thửa đất số 1+8/BĐĐC/152 - công cộng: Năm 2003 gia đình tự ý sử dựng cơi nới xây dựng một phần công trình kiến trúc sử dụng đến nay;

+ Thửa đất số 34/BĐĐC/152 - Khu đo tỷ lệ 1/5000: Năm 2003 gia đình tự ý sử dụng cơi nới xây dựng một phần công trình trên đó sử dụng đến nay.

Sau khi thu thập được các hồ sơ gồm: Thông báo số 135/PQ ngày 08/3/1995 của Sở giao thông vận tải tỉnh T2 về việc cắm mốc lộ giới tại quốc lộ; Văn bản số 197/PC ngày 29/3/1995 của Sở giao thông vận tải tỉnh T2; Phương án đề bù công trình mở rộng đường B – Kênh đồng đoạn từ bến tàu du lịch phường B - Thành phố H năm 2000. Ngày 19/06/2019, UBND phường B ban hành Văn bản số 425/UBND "V/v xác minh bổ sung thông tin nguồn gốc đất đối với các hộ thuộc diện GPMB dự án cải tạo cảnh quan, phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng, phường B thành phố H", bổ sung nguồn gốc cụ thể như sau:

Phần diện tích nằm ngoài mốc lộ giới

Thửa 7/BĐĐC/152: Không ký:

Nguồn gốc sử dụng đất: đất bà N1 được bố mẹ cho tặng thừa kế quản lý sử dụng từ năm 1971, phần diện tích này không có công trình. Khoảng sau khi GPMB đến trước năm 2002 bà N1 cho ông H quản lý sử dụng để ở (căn cứ Bản đồ GPMB xây dựng khách sạn than Việt Nam - K - Bãi Cháy năm 2002, Sổ bộ thuế năm 2002).

Quá trình sử dụng đất: Từ năm 1971 đến sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998: bà N1 quản lý sử dụng; Từ năm sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998 đến nay: ông H quản lý sử dụng để ở;

Thời điểm xây dựng công trình: Một phần nhà cấp 4 xây dựng sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998 và trước tháng 10/2002. Năm 2002 cải tạo cơ nới nhà cấp 4 như hiện trạng.

+ Thửa đất số 34/BĐĐC/152 - Khu đo tỷ lệ 1/5000: Năm 2003 gia đình tự ý sử dụng cơi nới xây dựng một phần công trình trên đó sử dụng đến nay.

Phần diện tích nằm trong mốc lộ giới

Thửa 7/BĐĐC/152: Không ký: phần diện tích nằm trong mốc lộ giới bảo vệ an toàn giao thông Quốc lộ 18 cũ do Sở giao thông vận tải cắm mốc năm 1995 (*đường H hiện nay*).

Nguồn gốc sử dụng đất: Phần diện tích này có cùng nguồn gốc với phần diện tích nằm ngoài mốc lộ giới.

Quá trình sử dụng đất: Từ năm 1971 đến sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998: bà N1 quản lý sử dụng, làm sân, vườn; Từ năm sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998 đến nay; ông H quản lý sử dụng để ở;

Thời điểm xây dựng công trình: Nhà cấp 4 xây dựng sau khi đo vẽ bản đồ địa chính 1998 và trước tháng 2000. Năm 2003 cải tạo cơ nới nhà cấp 4 như hiện trạng. (Trong đó có một phần diện tích công trình xây dựng trên phần đất đã GPMB năm 2000)

+ Thửa đất số 1+8/BĐĐC/152 - công cộng: Năm 2003 gia đình tự ý sử dựng cơi nới xây dựng một phần công trình kiến trúc sử dụng đến nay;

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC- ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Minh H về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Minh H, trú tại tổ D, khu E, phường B, thành phố H (Lần hai).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, ông Vũ Minh H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Minh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người khởi kiện là ông Vũ Minh H giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện có ý kiến: 12,7m^2 đất ông H đang sử dụng bị thu hồi nhưng không được bồi thường là không đúng. Bởi vì: Đất có nguồn gốc gia đình ông H đã sử dụng từ lâu. Bản đồ năm 1998 và Bản đồ quy hoạch không đúng.

Ông Đỗ Tuấn N có ý kiến: 12,7m^2 đất ông H yêu cầu được bồi thường là đất công, không phù hợp với quy hoạch đất ở, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy, không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Ông H kháng cáo không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L có ý kiến: Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H.

Đại diện UBND phường B ông Lưu Ngọc T có ý kiến: Diện tích đất

12,7m^2 bị thu hồi nằm ở phía sau thửa đất của gia đình ông H, giáp với núi. Việc đo đạc lập bản đồ năm 1998 đương sự không ký, nhưng từ sau khi đo vẽ bản đồ năm 1998 gia đình ông H mới tự ý sử dụng, xây công trình trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Ông Vũ Minh H kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu mới làm thay đổi bản chất vụ án, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Vũ Minh H, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của ông Vũ Minh H đảm bảo thời hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đảm bảo việc xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Vũ Minh H, Hội đồng xét xử thấy:

[4] *Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án* đảm bảo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[5] *Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành*:

[6] Căn cứ Quyết định số 6983/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1/500 – Vườn hoa, cây xanh cảnh quan phía Bắc tuyến đường H (đoạn từ Khách sạn H7 đến cây xăng B), phường B, thành phố H; Quyết định số 9336/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố H "V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: GPMB tạo cảnh quan, phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng B, phường B, thành phố H"; Căn cứ Quyết định số 4096/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Q "V/v phê duyệt phương án giá đất cụ thể làm căn cứ lập phương án bồi

thường, hỗ trợ cho các hộ dân thuộc diện GPMB thực hiện dự án: GPMB tạo cảnh quan, phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng B, phường B, thành phố H";

[7] Ngày 05/7/2018, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 421/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường GPMB thực hiện dự án: GPMB tạo cảnh quan, phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng B, phường B, thành phố H.

[8] Ngày 19/3/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND thu hồi 2.674,5m^2 đất của 18 hộ dân tại phường B để thực hiện dự án cảnh quan, phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng B, phường B, thành phố H.

[9] Ngày 19/3/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1391/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông, bà Vũ Minh H – Lưu Thị Kim L1 thuộc dự án: GPMB tạo cảnh quan, phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng B, phường B, thành phố H.

[10] Ngày 23/7/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5433/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Vũ Minh H - Lưu Thị Kim L1 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND thành phố H.

[11] Ông Vũ Minh H không đồng ý với phương án bồi thường được phê duyệt tại Quyết định số 5433/QĐ-UBND nên đã khiếu nại đến UBND thành phố H về các nội dung: (1) yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở; (2) yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa; (3) yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

[12] Ngày 21/02/2020, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vũ Minh H, trong đó có nội dung: (1) Chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở; (2) Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa; (3) Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

[13] Thực hiện nội dung khiếu nại đã được chấp nhận trong Quyết định số 908/QĐ-UBND, Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 28/02/2020.

[14] Ông Vũ Minh H tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Q đối với Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

[15] Ngày 08/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Vũ Minh H.

[16] Qua xem xét, thấy rằng các Quyết định số 1375/QĐ-UBND và Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Minh H; Quyết định số 5433/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 và Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND thành phố H về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Vũ Minh H – Lưu Thị Kim L1 được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

[17] Các Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vũ Minh H; Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Vũ Minh H đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức văn bản quy định tại Điều 204 Luật Đất đai 2013; Luật khiếu nại 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[18] *Xét tính hợp pháp về nội nội dung của các quyết định, thấy:*

[19] Thửa đất của hộ ông Vũ Minh H có nguồn gốc của bà Trần Thị T1 (là mẹ bà Nguyễn Thị N1) được Ban hành chính khu phố B, thị xã H cho phép xây dựng nhà sơ tán năm 1966. Năm 1971, bà N1 được bố mẹ cho tặng thừa kế và sử dụng để ở. Trong quá trình sử dụng đất bà N1 đã cho con là ông Vũ Minh H một phần thửa đất để ở, nhưng không có tài liệu thể hiện diện tích, mốc giới cụ thể. Năm 1998, nhà nước đo vẽ lập bản đồ địa chính thì thửa đất của bà N1 được xác định tại thửa đất số 7 (diện tích 210,5 m^2) thửa đất nêu trên chủ sử dụng đất không ký. Thửa đất bà N1 cho ông H được xác định là thửa 7/152/BĐĐC diện tích 48m^2 đất và ông H đã sử dụng tới khi nhà nước thu hồi đất. Bản đồ năm 1998 đến nay không có cơ quan có thẩm quyền nào thay đổi, chỉnh lý, hủy bỏ nên có giá trị pháp lý, là căn cứ để xác định diện tích đất.

[28] Năm 2018 Nhà nước triển khai dự án Cải tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch quốc gia năm 2018 đường H khu vực từ khách sạn H7 đến cây xăng phường B, thửa đất của ông H có tổng diện tích đang quản lý sử dụng là 63,6 m^2 thuộc thửa đất số 10/1/GPMB (thu hồi hết). Theo bản đồ GPMB, thửa đất của ông H có tổng diện tích 63,6m^2 trong đó theo thửa địa chính được chia ra như sau: thửa 7/152/BĐĐC diện tích 48m^2; thửa 8/152/BĐĐC diện tích 2,1m^2; thửa 12/152/BĐĐC diện tích 0,8m^2; thửa 31/152/BĐĐC có một phần diện tích 12,7m^2 không bồi thường, không hỗ trợ.

[21] Sau khi nhận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Vũ Minh H có đơn khiếu nại (lần đầu) gửi UBND thành phố H: *(1) Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở; (2) Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa; (3) Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.*

[22] Tại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020, Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vũ Minh H nội dung: (1) Chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 33,2m^2 đất thuộc thửa 7/152/BĐĐC đã thu hồi cho gia đình là đất ở; (2) Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 8,8m^2 đất thu hồi năm 2000 cho gia đình theo quy định, vì năm 2000 gia đình chưa nhận tiền và về sau không thu hồi của gia đình nữa; (3) Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC cho gia đình theo quy định.

[23] Ông Vũ Minh H tiếp tục khiếu nại lần 2 đến UBND tỉnh Q, Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC là đất ở. Tại Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Vũ Minh H đã quyết định: Đồng ý Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Vũ Minh H; Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Minh H về việc: Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7m^2 đất thuộc thửa 31/152/BĐĐC là đất ở.

[24] Thấy rằng thửa đất số 31/152/BĐĐC là thửa đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000, hộ ông Vũ Minh H đã tự ý sử dụng xây dựng một phần công trình kiến trúc từ năm 2003, thời điểm đó Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai đã có hiệu lực. Do đó, việc tự ý sử dụng 12,7m^2

đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC nêu trên được xác định là hành vi lấn chiếm đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000 do nhà nước quản lý.

[25] Theo quy hoạch sử dụng đất từ năm 2004 đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 664/2005/QĐ-UB ngày 03/3/2005 "Về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai thành phố H thời kỳ 2004-2010 và Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của thành phố H" thì phần diện tích 12,7m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC là thửa đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000: đất do UBND phường B quản lý không được hoạch định là đất ở. Do đó vị trí, diện tích đất 12,7m^2 thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/6/2014 của Chính phủ.

[26] Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất; phần diện tích 12,7m^2 là đất công cộng và đất khu đo tỷ lệ 1/5000 do U Cháy quản lý, ông H tự ý sử dụng từ năm 2003, vị trí đất này không phù hợp với quy hoạch là đất ở, do đó không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, nên khi Nhà nước thu hồi đất, diện tích đất này không đủ điều kiện bồi thường về đất.

[27] Thấy rằng Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Q đã không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Minh H về nội dung: *Yêu cầu bồi thường diện tích 12,7 m^2 đất thuộc một phần thửa 31/152/BĐĐC là đất ở* là đúng quy định của pháp luật.

[28] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Minh H là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Vũ Minh H có đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Minh H.

[29] Về án phí: Ông Vũ Minh H5 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Minh H; Giữ nguyên quyết định của Bản án Hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Vũ Minh H được miễn án phí hành chính phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND tỉnh Quảng Ninh
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa